

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2025

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền

Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 710/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huyền T, sinh năm 1998 (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Huyền T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Đ kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2017. Thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xét thấy vợ chồng tiếp tục sống chung không đảm bảo hạnh phúc. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Khánh B, sinh ngày 26/4/2014 và Lê Băng B, sinh ngày 11/7/2017. Hiện các cháu đang sống cùng cha là ông Lê Văn Đ. Khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục giao 02 con chung ông Lê Văn Đ nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn Đ, quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Văn Đ hiện đang cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, bà Nguyễn Huyền T yêu cầu xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Huyền T và ông Lê Văn Đ là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2017 nên hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp. Nguyên đơn bà Nguyễn Huyền T cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm, hiện bà và ông Đ đã sống ly thân với nhau, xét thấy hôn nhân không thể tiếp tục vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn Đ. Trong khi đó, ông Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy ông Đ không có thiện chí để hàn gắn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Huyền T, cho bà T ly hôn với ông Lê Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Huyền T và ông Lê Văn Đ có 02 con chung là Lê Khánh B, sinh ngày 26/4/2014 và Lê Băng B, sinh ngày 11/7/2017 hiện các cháu đang sống cùng cha là ông Lê Văn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai chị em cháu B hiện đang sống với cha, được cha trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn bà T cũng đồng ý giao 02 con cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Văn Đ cũng không có ý kiến phản hồi với yêu cầu về nuôi con nên giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 26/4/2014 và Lê Băng B, sinh ngày 11/7/2017 cho cha là ông Lê Văn Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Bà Nguyễn Huyền T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền

cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Huyền T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Lê Văn Đ thì vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huyền T, cho bà Nguyễn Huyền T ly hôn với ông Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 26/4/2014 và Lê Băng B, sinh ngày 11/7/2017 cho ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Bà Nguyễn Huyền T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Đ.

3. Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản và nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005944 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Yến Phương